ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 57 /2025/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 05 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma tuý, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 02/2020/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/2019/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 646/TTr-STC ngày 24 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng **11** năm 2025, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Nhiệm vụ chi ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng ủy thác đối với ngân sách cấp xã có hiệu lực từ năm ngân sách 2026.

3. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 7 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 7 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

d) Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

e) Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi Điều 9 của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác ban hành kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, nguồn vốn cho vay được tạo lập theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 và

Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước tiếp tục giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai theo dõi, quản lý, tổ chức, thực hiện để xử lý nợ rủi ro và cho vay theo quy định.

2. Đối với nguồn kinh phí được trích chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị có liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận uỷ thác từ ngân sách địa phương được tạo lập theo khoản 3 Điều này và tạo lập theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước chưa sử dụng trước ngày 01/9/2025 được bổ sung vào nguồn vốn cho vay ngân sách địa phương cấp tỉnh uỷ thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai để tiếp tục thực hiện cho vay theo quy định.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai tiếp tục thực hiện trích phí kể từ ngày 01/7/2025 (bao gồm: Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội, bổ sung nguồn vốn cho vay và trích phí để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội) theo mức trích được quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Công an tỉnh Đồng Nai, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý vi phạm hành chính – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Trang Thông tin điện tử Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, KTNS (126 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57 /2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi phát triển sản xuất, kinh doanh, phục vụ các nhu cầu thiết yếu, tạo việc làm, ổn định sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, nhằm góp phần thực hiện thành công các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, an toàn trật tự xã hội, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Những nội dung không được hướng dẫn tại Quy chế này được thực hiện theo Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn tỉnh Đồng Nai và các đối tượng chính sách khác vay vốn.

2. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, phát triển các sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, giáo dục đào tạo.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; tổ tiết kiệm và vay vốn.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc cho vay

1. Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.

2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn đã ghi trong hợp đồng/sổ vay vốn/khế ước vay vốn.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch)) và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng được vay vốn.

4. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay

1. Tạo lập nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Hằng năm hoặc định kỳ, căn cứ vào kế hoạch, chỉ tiêu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và các chỉ tiêu khác về phát triển kinh tế - xã hội của cấp có thẩm quyền, tổng hợp nhu cầu vay vốn hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch), Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

b) Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn ủy thác được Ủy ban nhân dân cùng cấp và Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn, Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) chuyển vốn vào tài khoản của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) để tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác.

3. Tạo lập từ nguồn trích quỹ: Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau

khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

4. Trường hợp do chính sách chế độ nhà nước thay đổi: Ngân sách thiếu nguồn hoặc không có nguồn tạo lập vốn cho vay ưu đãi hoặc lãi suất cho vay thấp không đủ bù đắp chi phí thì Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) xem xét báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

5. Các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 5. Cơ chế cho vay ủy thác

1. Cơ chế cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác: Thực hiện theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg; Thông tư số 62/2016/TT-BTC; Thông tư số 11/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội có liên quan.

2. Cho vay các chương trình, đối tượng mang tính đặc thù của tỉnh Đồng Nai: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) và các cơ quan có liên quan thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) chủ trì phối hợp với Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) thực hiện lập và ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác theo quy định.

4. Đối tượng vay vốn

a) Chương trình cho vay hộ nghèo

Đối tượng cho vay gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh Đồng Nai từng thời kỳ.

b) Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm,

giải quyết việc làm sau đào tạo nghề: Đối tượng cho vay thực hiện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP;

c) Chương trình, chính sách cho vay về nhà ở xã hội: Đối tượng cho vay thực hiện theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP; Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 quy định về tiêu chuẩn, đối tượng, điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ.

d) Cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù: Đối tượng cho vay thực hiện theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ.

đ) Chương trình cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Đối tượng cho vay gồm: Các hộ gia đình chưa có công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hoặc có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Địa bàn cho vay: Tất cả các xã, phường thuộc tỉnh Đồng Nai.

e) Chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán thực hiện theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg và các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ.

g) Cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

h) Các chương trình cho vay đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người đi lao động ở nước ngoài; hộ nghèo về nhà ở; hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; các chương trình, đối tượng cho vay thực hiện mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP và các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ.

i) Các chương trình, đối tượng cho vay theo Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

k) Đối tượng thuộc các chương trình cho vay khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

5. Mức cho vay, thời hạn vay: Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội, của Hội đồng nhân dân tỉnh và của cơ quan, người có thẩm quyền đối với từng chương trình cho vay phù hợp với thực tế tại địa phương.

6. Lãi suất cho vay: Áp dụng mức lãi suất cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Quy trình thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, thu nợ, thu lãi tiền vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội, của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đối với từng chương trình cho vay.

8. Xử lý vi phạm vay vốn: Xử lý nghiêm người vay và người cho vay vốn có hành vi lợi dụng, tham ô, cố tình không trả nợ gốc, lãi hoặc sử dụng vốn không đúng mục đích. Những tổ chức, cá nhân vi phạm cơ chế cho vay sẽ tùy tính chất và mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật. Các trường hợp vay vốn bị rủi ro khách quan được xử lý theo quy định của Quy chế này.

Điều 6. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ nhận ủy thác

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 7. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay bằng nguồn vốn ủy thác

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương, các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác, số tiền từ ngân sách địa phương cấp bù, cấp bù hỗ trợ lãi suất vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, văn bản quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện vào ngày 31/12 hằng năm hoặc theo kế hoạch quyết toán hằng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch), mức trích là 60% số tiền lãi thu được. Trường

hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch).

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch). Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

a) Đối với chương trình cho vay hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo; cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Phân bổ 9% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Tài chính xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội

đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

b) Đối với chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, giải quyết việc làm sau đào tạo nghề.

- Phân bổ 2% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Nội vụ (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác quản lý về hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nội vụ xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Tài chính xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội

đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

c) Đối với chương trình cho vay Nhà ở xã hội.

- Phân bổ 2% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Xây dựng (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Xây dựng xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để hỗ trợ hoạt động Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Tài chính xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

d) Đối với chương trình cho vay người chấp hành xong án phạt tù; người sau cai nghiện ma tuý, người nhiễm HIV, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp của Công an tỉnh Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Công an tỉnh Đồng Nai hằng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

đ) Đối với chương trình cho vay mỗi xã một sản phẩm; phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hộ có mức sống trung bình.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

e) Đối với chương trình cho vay phát triển du lịch nông thôn.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Văn hóa – Xã

hội (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Văn hóa – Thể thao và du lịch xây dựng quy chế, Phòng Văn hóa – Xã hội hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

g) Đối với chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Giáo dục và đào tạo (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Văn hóa – Xã hội (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng quy chế, Phòng Văn hóa – Xã hội hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

h) Các chương trình cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi về cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo về nhà ở; hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Dân tộc và Tôn giáo (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Văn hóa – Xã hội (đối

với nguồn vốn ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo xây dựng quy chế, Phòng Văn hóa – Xã hội hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

i) Đối với các chương trình cho vay khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

5. Nguyên tắc, nội dung, mức chi và thẩm quyền phê duyệt để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương quy định tại khoản 3 Điều này (sau đây gọi là: nguồn kinh phí hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp).

a) Nguyên tắc chi và thẩm quyền phê duyệt.

- Vào tháng 01 hằng năm, căn cứ số dư nguồn kinh phí hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp ngày 31/12 năm trước liền kề và số dự kiến phân bổ năm kế hoạch quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này, Ngân hàng Chính sách xã hội xây dựng dự toán/kế hoạch trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp xem xét, phê duyệt.

- Trên cơ sở dự toán/kế hoạch đã được Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp phê duyệt, giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) tổ chức thực hiện, ký, phê duyệt hồ sơ, chứng từ, đảm bảo thanh toán, quyết toán sử dụng nguồn kinh phí theo quy định.

b) Một số nội dung và mức chi cụ thể:

- Chi tiền công tác phí (tàu, xe, vé máy bay, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ), tiền ăn, nước uống, lễ tân, khánh tiết, tài liệu, văn phòng phẩm, làm thêm giờ, mua sắm, sửa chữa tài sản, hàng hoá, dịch vụ, trang thiết bị phục vụ công tác chỉ

đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, gồm: Chi cho các thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, các thành viên khác tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, theo văn bản của cấp trên và các cơ quan, ban, ngành có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội; mức chi thực hiện phù hợp với chính sách, chế độ hiện hành và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

- Chi hỗ trợ Trưởng Ban đại diện và các thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp về: Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp nghiên cứu tài liệu phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng phương án, đề án, nghị quyết, quyết định, các văn bản, báo cáo, kế hoạch, dự thảo... liên quan đến hoạt động Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương; chi hỗ trợ chi phí thông tin liên lạc (điện thoại, internet) phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát; mức chi hàng tháng cho mỗi thành viên tối đa 1,5 lần mức chi phụ cấp đối với thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của Bộ Tài chính từng thời kỳ (hiện nay là Thông tư số 62/2016/TT-BTC). Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh lập danh sách chi theo tháng hoặc theo quý.

- Chi hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; chi họp Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp định kỳ, họp đột xuất, họp sơ kết, tổng kết, họp mở rộng theo yêu cầu công tác của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, yêu cầu của cấp trên, của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan, ban, ngành có liên quan đối với hoạt động Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội, gồm: Chi tiền công tác phí (tàu, xe, vé máy bay, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ), tiền ăn, nước uống giữa giờ, làm thêm giờ, văn phòng phẩm, tài liệu, lễ tân, khánh tiết đối với Trưởng Ban đại diện, thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, cán bộ, người lao động Ngân hàng Chính sách xã hội, đại biểu, khách mời, giảng viên và các thành phần khác có liên quan; Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, chuyên gia tư vấn, chi bồi dưỡng cán bộ thực hiện công tác đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các nội dung liên quan, chi bồi dưỡng người có báo cáo tham luận tại hội nghị; Chi thuê hội trường, phòng họp, hoa tươi, trang trí hội trường, băng rôn, khẩu hiệu, thiết bị âm thanh, ánh sáng, led, máy chiếu, đường truyền, mua thuốc chữa bệnh thông thường, phóng sự, phim tài liệu, chi tuyên truyền và các chi phí khác có liên quan đến hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ,

họp Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp định kỳ, họp đột xuất, sơ kết, tổng kết, họp mở rộng; mức chi thực hiện theo chính sách, chế độ hiện hành và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

- Chi tổ chức thăm mô hình, trao đổi học tập kinh nghiệm của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội (gồm các đoàn của tỉnh Đồng Nai đi và các đoàn của Trung ương, các tỉnh/thành phố đến Đồng Nai làm việc, tham quan, thăm mô hình, trao đổi học tập kinh nghiệm), gồm:

+ Chi công tác phí (tàu, xe, vé máy bay, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ), tiền ăn, nước uống, lễ tân, khánh tiết, văn phòng phẩm, tài liệu, mua thuốc chữa bệnh thông thường, tặng phẩm và các chi phí khác có liên quan đối với các đoàn của tỉnh Đồng Nai đi tham quan, thăm mô hình, trao đổi học tập kinh nghiệm trong công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, công tác triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và các công việc khác liên quan hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội, gồm: Trưởng Ban đại diện, thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, cán bộ, người lao động Ngân hàng Chính sách xã hội, khách mời và các thành phần khác có liên quan.

+ Chi phí tổ chức làm việc với các đoàn của Trung ương, các tỉnh/thành phố, phường (xã) đến Đồng Nai làm việc, thăm mô hình, trao đổi học tập kinh nghiệm, gồm: tiền phòng nghỉ, tiền ăn, nước uống, lễ tân, khánh tiết, chi phí đi lại, văn phòng phẩm, tài liệu, mua thuốc chữa bệnh thông thường, tặng phẩm, thuê hội trường, phòng họp, hoa tươi, trang trí hội trường, băng rôn, khẩu hiệu, phóng sự, phim tài liệu, thiết bị âm thanh, ánh sáng, led, máy chiếu, đường truyền và các chi phí khác có liên quan; mức chi thực hiện phù hợp với chính sách, chế độ hiện hành và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

- Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân là Trưởng ban, thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp; các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp vào hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nội dung, mức khen thưởng, trình tự, thủ tục, hồ sơ khen thưởng: Thực hiện theo quy định của Nhà nước, Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội và hướng dẫn của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) căn cứ kết quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn, thành tích đóng góp của các tập thể, cá nhân có liên quan và số tiền khen thưởng phân bổ theo dự toán hàng năm được

duyệt, tổ chức họp để xem xét, đề nghị khen thưởng. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) căn cứ kết quả cuộc họp, có văn bản kèm danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp xem xét, quyết định. Căn cứ Quyết định khen thưởng của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) tổ chức thực hiện chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng.

- Hỗ trợ hoạt động Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) để chi cho các hoạt động: tuyên truyền; đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; hội nghị, hội thảo; họp định kỳ, đột xuất, sơ kết, tổng kết; học tập kinh nghiệm; mua sắm, sửa chữa tài sản, hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

- Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) phối hợp Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan đối với chương trình cho vay được giao nhiệm vụ theo Quy chế này xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đảm bảo theo đúng quy định.

2. Thẩm quyền xem xét, xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý nợ bị rủi ro

a) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch): Xử lý hồ sơ rủi ro theo đúng cơ chế hiện hành; hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, kiểm tra đảm bảo tính chính xác, hợp pháp đúng quy định của bộ

hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro của khách hàng, tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản đề nghị xử lý nợ rủi ro gửi Sở Tài chính kèm bộ hồ sơ xử lý rủi ro của khách hàng.

b) Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hóa, thể thao và du lịch, Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) kiểm tra hồ sơ nợ rủi ro, đề nghị khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ cho khách hàng, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo Ủy ban nhân nhân tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định.

c) Sở Tài chính

- Căn cứ hồ sơ xử lý nợ rủi ro do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) cung cấp, căn cứ báo cáo và ý kiến của các sở, ngành để kiểm tra, thẩm định; nếu hồ sơ xử lý nợ rủi ro đủ cơ sở pháp lý thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Trường hợp những khoản nợ bị rủi ro chưa đủ cơ sở pháp lý thì đề nghị thành lập đoàn kiểm tra khảo sát thực tế, có biên bản xác minh cụ thể, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

a) Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) trích lập theo quy định hiện hành đối với cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, Sở Tài chính chủ trì phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung từ ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch).

c) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 9. Chế độ báo cáo

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch): Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất, báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách

cấp tỉnh), gửi Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng kinh tế hoặc Phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị.

a) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Nhân dân cùng cấp và các văn bản pháp lý liên quan thực hiện chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước uỷ thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) để cho vay theo kế hoạch. Đối với những trường hợp phát sinh trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch), Sở Tài chính, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị cân đối nguồn vốn tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp phê duyệt bổ sung nguồn vốn ủy thác nhằm thực hiện cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch).

c) Phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và báo cáo, đề xuất phương án xử lý đối với trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ để xử lý nợ rủi ro theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 7 Quy chế này và thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về việc phân phối lãi, bổ sung vốn ủy thác, trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng và điều chỉnh tỷ lệ trích, mức trích khi Nhà nước điều chỉnh lãi suất cho vay.

2. Trách nhiệm các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng, Văn hóa, thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

a) Phối hợp với Sở Tài chính, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì họp xem xét hồ sơ nợ rủi ro do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đề nghị đối với chương trình cho vay được giao nhiệm vụ theo Quy chế này; thực hiện kiểm tra hiệu quả việc sử dụng vốn ủy thác và chấp hành các quy định cho vay.

b) Phối hợp Sở Tài chính đề nghị xử lý những vấn đề liên quan đến sử dụng vốn cho vay ủy thác, thực hiện kiểm tra hiệu quả việc sử dụng vốn uỷ thác cho vay, giám sát tính hợp pháp của hợp đồng/khế ước vay vốn/sổ vay vốn.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch)

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Thực hiện trích lập, phân phối và sử dụng tiền lãi được phân bổ theo đúng quy định tại Quy chế này.

c) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đảm bảo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định hiện hành.

đ) Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e) Định kỳ thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện cho vay ủy thác theo đúng quy định.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện chương trình tín dụng và phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

b) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này, thực hiện đầy đủ các quy định về thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn, bình xét cho vay, trả nợ, trả lãi tiền vay của người vay.

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, hộ bỏ khỏi nơi cư trú; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

d) Chỉ đạo các ngành và Ban Chỉ đạo chương trình xoá đói, giảm nghèo của xã phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay trên địa bàn.

đ) Có ý kiến về đề nghị xin gia hạn và xử lý nợ rủi ro của người vay.

e) Chủ động thường xuyên điều tra, bổ sung kịp thời vào danh sách những hộ thuộc diện nghèo, cận nghèo theo tiêu chí được cấp có thẩm quyền quy định.

g) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Nhân dân cùng cấp và các văn bản pháp lý liên quan thực hiện chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước uỷ thác qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai để cho vay theo quy định.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, thay thế

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn hay các văn bản thực hiện tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.